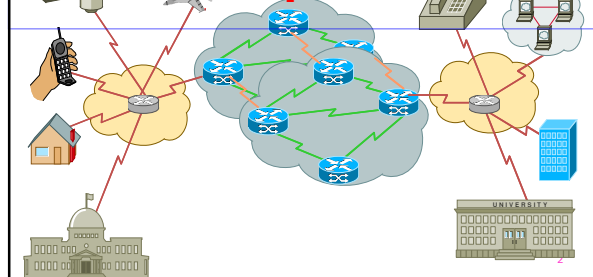


BÀI GIẢNG MÔN TIN HỌC ĐẠI CƯƠNG

1

CHƯƠNG 1: CÁC VẤN ĐỀ VỀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN



Chương 1 CƠ BẢN VỀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ MÁY TÍNH

I. BIỂU DIỄN THÔNG TIN TRONG MÁY TÍNH

Máy tính dùng hệ đếm nhị phân (Binary) tức là hệ đếm được biểu diễn với hai chữ số 0 và 1.

Ví dụ: 0 VÀ 1

Chữ A được biểu diễn là 01000001

Dãy số nào dưới đây là biểu diễn thông tin trong máy tính

A. 100102 B. 01010010 C. 1000 D. 110000101

3

Chương 1 CƠ BẢN VỀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ MÁY TÍNH

Các đơn vị đo thông tin:

Đơn vị cơ sở: Bit (0 hoặc 1)

Đơn vị cơ bản: Byte: 1 Byte = 8 Bit

Các bội số của Byte:

Kilobyte: 1 KB = 2^{10} B = 1024 Byte

Megabyte: 1 MB = 2^{10} KB = 1024 KB

Gigabyte: 1 GB = 2^{10} MB = 1024 MB

Terabyte: 1 TB = 2^{10} GB = 1024 GB

4

Chương 1 CƠ BẢN VỀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ MÁY TÍNH

II. CẤU TRÚC CƠ BẢN CỦA MÁY TÍNH

Hệ thống máy tính bao gồm hai thành phần chính:

1. Phần cứng: Bao gồm toàn bộ máy và các thiết bị ngoại vi là các thiết bị điện tử được kết hợp với nhau. Nó thực hiện chức năng xử lý thông tin ở mức thấp nhất tức là các tín hiệu nhị phân.

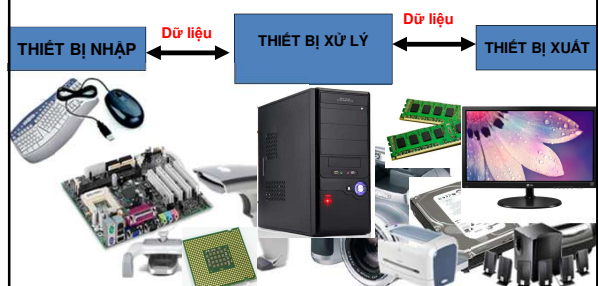
2. Phần mềm: Là các chương trình (Programs) do người sử dụng tạo ra điều khiển các hoạt động phần cứng của máy tính để thực hiện các nhiệm vụ phức tạp theo yêu cầu của người sử dụng. Phần mềm của máy tính được phân làm 2 loại: Phần mềm hệ thống (System Software – hệ điều hành windows) và phần mềm ứng dụng (Applications Software).

5

Chương 1 CƠ BẢN VỀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ MÁY TÍNH

IV. CẤU TẠO CỦA MỘT MÁY TÍNH CÁ NHÂN

Sơ đồ mô tả các bộ phận cơ bản trong một máy tính cá nhân:



Chương 1 CƠ BẢN VỀ
CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ MÁY TÍNH

Một số HĐH thông dụng

- ✓MS DOS: Hệ điều hành đơn nhiệm, làm việc với giao diện dòng lệnh.
- ✓Microsoft Windows: Hệ điều hành đa nhiệm
- ✓Ngoài ra còn có các hệ điều hành: Linux, Unix, OS/2

Các phiên bản của hệ điều hành Windows

- ✓Windows 3.x, Windows 95, Windows 98, Windows Me.
- ✓Windows 2000, Windows XP, Windows Vista, windows 7, windows 8, windows 10.
- ✓Windows NT, Windows 2000 Server, Windows 2003 Server: dành riêng cho máy chủ - hệ điều hành mạng.



CHƯƠNG 2: HỆ ĐIỀU HÀNH WINDOWS

Chương 2 HỆ ĐIỀU HÀNH WINDOWS

I. GIỚI THIỆU VỀ HỆ ĐIỀU HÀNH WINDOWS

Chương 2 HỆ ĐIỀU HÀNH WINDOWS

1. Cơ bản về hệ điều hành

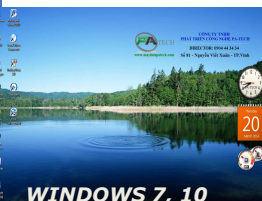
a) Cách khởi động
Windows tự khởi động khi bật máy tính lên.

b) Thoát khỏi Windows
Thoát máy tính theo trình tự: Nhấn Start/Turn off (hoặc Start/Shutdown)
Riêng windows 8: Settings->Power-> shutdown
Restart: Khởi động lại máy tính
Sleep: Chế độ ngủ đông
Logoff: Tắt toàn bộ chương trình đang hoạt động.

10

Chương 2 HỆ ĐIỀU HÀNH WINDOWS

c) Màn hình Desktop



The image shows two side-by-side screenshots of Windows desktops. The left one is Windows XP with a blue background and 'WINDOWS XP' text. The right one is Windows 7/10 with a landscape background and 'WINDOWS 7, 10' text.

Chương 2 HỆ ĐIỀU HÀNH WINDOWS



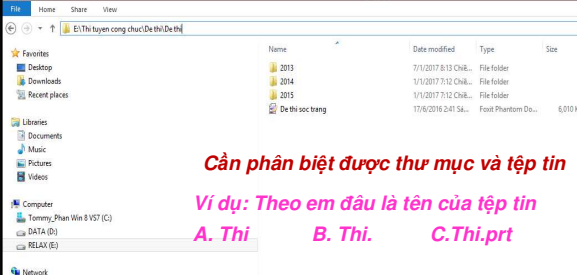
Các đối tượng chuẩn trên màn hình Desktop

- My computer: Cho phép duyệt nhanh tất cả các tài nguyên trên máy tính của bạn (chứa các ổ đĩa để từ đó bạn truy cập vào các tệp dữ liệu)
- My Documents: Lưu trữ tất cả các tệp văn bản.
- My network: Tài nguyên mạng (mạng Lan)
- Recycle Bin: Thùng rác
- Các biểu tượng do NSD tạo ra gọi là các đối tượng không chuẩn, VD như Folder, Shortcut, file

12

Chương 2 HỆ ĐIỀU HÀNH WINDOWS

2. Cách tổ chức quản lý thông tin của HĐH
a) Tập tin (File). b) Thư mục (Folder). c) Đường dẫn (Path)



Cần phân biệt được thư mục và tập tin
Ví dụ: Theo em đâu là tên của tập tin
A. Thi B. Thi. C.Thi.prt

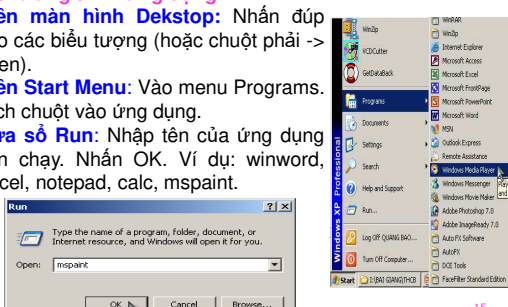
Chương 2 HỆ ĐIỀU HÀNH WINDOWS

II. THAO TÁC VỚI CỬA SỔ

Chương 2 HỆ ĐIỀU HÀNH WINDOWS

1. Mở chương trình ứng dụng

- **Trên màn hình Desktop:** Nhấn đúp vào các biểu tượng (hoặc chuột phải -> open).
- **Trên Start Menu:** Vào menu Programs. Kích chuột vào ứng dụng.
- **Cửa sổ Run:** Nhập tên của ứng dụng cần chạy. Nhấn OK. Ví dụ: winword, Excel, notepad, calc, mspaint.

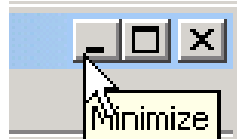


15

Chương 2 HỆ ĐIỀU HÀNH WINDOWS

2. Tương tác trên cửa sổ ứng dụng

- **Thu nhỏ:** Nhấn nút _ (Minimize) trên thanh tiêu đề của cửa sổ. Hoặc ấn Windows + D: thu nhỏ tất cả các cửa sổ.
- **Phóng to:** Nhấn nút Maximize trên thanh tiêu đề.
- **Đóng cửa sổ:** Nhấn nút Close (X) trên thanh tiêu đề hoặc Nhấn tổ hợp phím Alt + F4.



16

Chương 2 HỆ ĐIỀU HÀNH WINDOWS

3. Sử dụng phím tắt trong hệ điều hành

17

Chương 2 HỆ ĐIỀU HÀNH WINDOWS

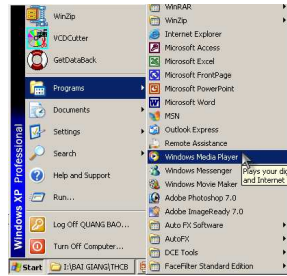
III. LÀM VIỆC VỚI MÀN HÌNH NỀN DESKTOP

Chương 2 HỆ ĐIỀU HÀNH WINDOWS

1. Sử dụng Start Menu

a) Thao tác với Start Menu:

- Nhấn phím Windows, hoặc kích chuột vào nút Start để kích hoạt.
- Di chuyển chuột (hoặc phím mũi tên) để chọn.
- Kích chuột (hoặc nhấn Enter) để thực hiện lệnh.



19

Chương 2 HỆ ĐIỀU HÀNH WINDOWS

2. Thanh Taskbar

- Taskbar dùng để quản lý các cửa sổ (ứng dụng) đang hoạt động trên máy.
- Taskbar có thể nằm ở 4 biên của màn hình Desktop.
- Kích thước của Taskbar có thể thay đổi bởi người sử dụng.

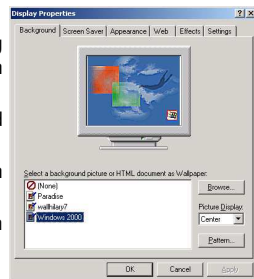


20

Chương 2 HỆ ĐIỀU HÀNH WINDOWS

3. Thay đổi màn hình nền (Win XP)

- Kích phải tại khoảng trống trên Desktop. Chọn **Properties**.
- Chọn thẻ Background (Desktop)
- Chọn 1 hình trong danh sách bên dưới.
- Nhấn nút **Browse** để tìm chọn hình lưu ở nơi khác.

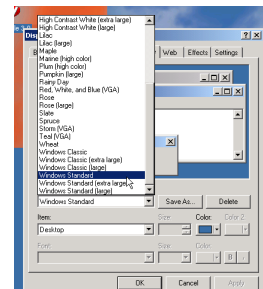


21

Chương 2 HỆ ĐIỀU HÀNH WINDOWS

4. Thay đổi giao diện Windows XP

- Kích phải chuột tại khoảng trống trên Desktop. Chọn **Properties**. Chọn thẻ **Appearance**.
- Chọn một mẫu trong **Scheme**.
- Trả về kiểu mặc định: Chọn mẫu **Windows Standard**.



22

Chương 2 HỆ ĐIỀU HÀNH WINDOWS

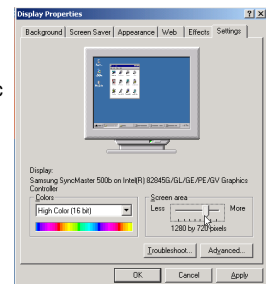
**Lưu ý: Từ Windows 7 trở lên
Thay đổi màn hình nền, giao diện**

23

Chương 2 HỆ ĐIỀU HÀNH WINDOWS

3. Thiết lập độ phân giải

- Trong **Display Properties**. Chọn thẻ **Settings**.
- Chọn số lượng màu trong mục Colors. Mặc định là **High color 24bit**.
- Chọn độ phân giải trong mục **Screen Area**. Chuẩn là 800 X 600.
- Chọn độ phân giải lớn thì chữ hiển thị sẽ nhỏ và ngược lại.
- **Lưu ý: Từ win7 trở lên**

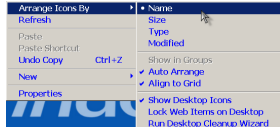


24

Chương 2 HỆ ĐIỀU HÀNH WINDOWS

4. Sắp xếp các biểu tượng trên Desktop

- ☐ Kích phải tại vị trí trống trên Desktop.
- ☐ Chọn Arrange Icons.
 - Auto Range: Sắp xếp tự động.
 - By Name: Sắp theo tên.
 - By Type: Theo kiểu tập tin, thư mục.
 - By Size: Theo dung lượng của biểu tượng.
 - By Date: Sắp theo ngày tạo lập.



25

Chương 2 HỆ ĐIỀU HÀNH WINDOWS

7. Ẩn hiện các biểu tượng trên Desktop

26

Chương 2 HỆ ĐIỀU HÀNH WINDOWS

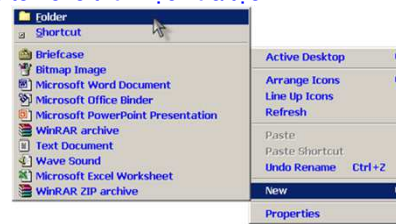
III. QUẢN LÝ TẬP TIN VÀ THƯ MỤC VỚI MY COMPUTER

(Mở My computer)
Hoặc Windows+E
Window Explorer

Chương 2 HỆ ĐIỀU HÀNH WINDOWS

a) Tạo mới 1 thư mục (folder)

- ☐ Chọn nơi đặt thư mục.
- ☐ Kích phải chuột tại vị trí trống.
- ☐ Chọn New – Folder.
- ☐ Nhập tên cho thư mục vừa tạo.



28

Chương 2 HỆ ĐIỀU HÀNH WINDOWS

b) Đổi tên thư mục và tập tin (Rename)

- ☐ **Cách 1:** Kích phải chuột trên đối tượng cần đổi tên. Chọn Rename. Nhập tên mới.
- ☐ **Cách 2:** Kích chọn đối tượng. Nhấn phím F2. Nhập tên mới.



29

Chương 2 HỆ ĐIỀU HÀNH WINDOWS

c) Xóa (Delete)

- ☐ **Cách 1:** Kích phải chuột trên đối tượng cần xóa. Chọn Delete. Nhấn Yes.
- ☐ **Cách 2:** Kích chuột chọn đối tượng cần xóa. Nhấn phím Delete. Nhấn Yes.
- ☐ **Lưu ý:** Để xóa hẳn đối tượng mà không cho vào thùng rác thì nhấn giữ phím **Shift** khi xóa (Ấn Shift + Delete)



30

Chương 2 HỆ ĐIỀU HÀNH WINDOWS

d) Sao chép (Copy) và di chuyển (Move)

□ Sao chép (Copy):

- Kích phải chuột trên đối tượng cần sao chép. Chọn **Copy** – tức sao chép. (hoặc nhấn **Ctrl + C**, hoặc chọn biểu tượng copy trên thanh công cụ).
- Truy cập vào thư mục - nơi cần copy đến. Kích phải chọn **Paste** – tức dán. (hoặc nhấn **Ctrl + V**, hoặc chọn biểu tượng paste trên thanh công cụ)

□ Di chuyển (Move):

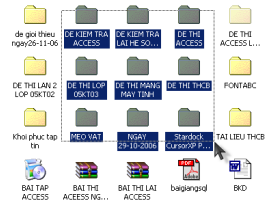
- Kích phải chuột trên đối tượng cần di chuyển. Chọn **Cut** – tức cắt (hoặc **Ctrl + X**).
- Truy cập vào thư mục - nơi cần copy đến. Kích phải chọn **Paste** – tức dán. (hoặc **Ctrl + V**)

31

Chương 2 HỆ ĐIỀU HÀNH WINDOWS

e) Chọn nhiều đối tượng

- Chọn nhiều đối tượng gần nhau: Nhấn giữ Shift + phím mũi tên (Hoặc Kích giữ chuột bao quanh vùng hiển thị các đối tượng cần chọn).
- Chọn nhiều đối tượng rời rạc: Giữ Ctrl + kích chuột chọn từng đối tượng cần chọn.
- Ctrl + A: Chọn tất cả các đối tượng.



32

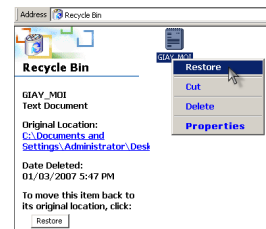
Chương 2 HỆ ĐIỀU HÀNH WINDOWS



IV. SỬ DỤNG THÙNG RÁC – RECYCLE BIN

Chương 2 HỆ ĐIỀU HÀNH WINDOWS

1. **Khái niệm: Recycle Bin (thùng tái chế)** dùng để chứa các tập tin thư mục bị xóa.
2. **Khôi phục các tập tin, thư mục bị xóa:**
 - Nhấn đúp vào biểu tượng Recycle Bin trên màn hình nền Desktop.
 - Kích phải chuột trên đối tượng cần khôi phục.
 - Chọn **Restore**.

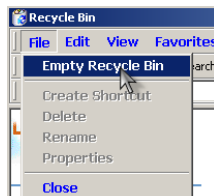
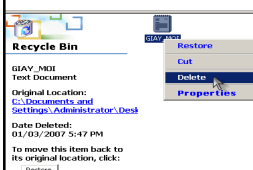


34

Chương 2 HỆ ĐIỀU HÀNH WINDOWS

3. Đổ rác

- Để xóa một tập tin, thư mục khỏi thùng rác. Kích phải chuột chọn Delete. Nhấn Yes.
- Để xóa tất cả trong thùng rác. Vào File, chọn Empty Recycle Bin.



35

Chương 2 HỆ ĐIỀU HÀNH WINDOWS

IV. Tạo shortcut (lối tắt) thường có 2 cách

36

PHẦN II

INTERNET

Chương 3 CÔNG NGHỆ INTERNET

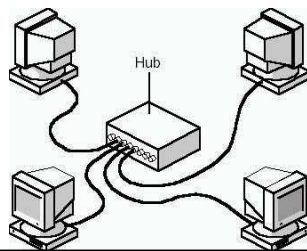
I. KHÁI NIỆM VỀ MẠNG MÁY TÍNH

- ❑ Mạng máy tính là một tập hợp các máy tính được nối với nhau bởi môi trường truyền (đường truyền) theo một cấu trúc nào đó và thông qua đó các máy tính trao đổi thông tin qua lại cho nhau.
- Môi trường truyền là hệ thống các thiết bị truyền dẫn có dây hay không dây dùng để chuyển các tín hiệu điện tử từ máy tính này đến máy tính khác.

38

Chương 3 CÔNG NGHỆ INTERNET

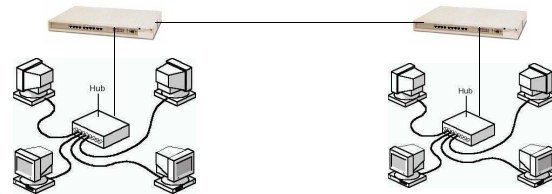
- ❑ Mạng **LAN** (Local Area Network) là mạng nội bộ, kết nối các máy tính của một cơ quan, tổ chức trong phạm vi nhỏ, bán kính vài trăm mét.



39

Chương 3 CÔNG NGHỆ INTERNET

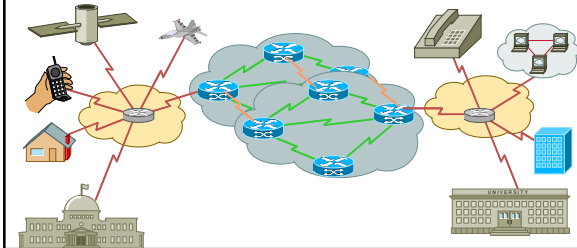
- ❑ Mạng **WAN** (Wide Area Network) là mạng diện rộng, kết nối các mạng LAN ở xa nhau để có một mạng duy nhất. Thông thường kết nối này được thực hiện thông qua mạng viễn thông hay vệ tinh.



Chương 3 CÔNG NGHỆ INTERNET

III. KHÁI NIỆM INTERNET

- ❑ Internet là liên mạng máy tính toàn cầu. Là sự kết hợp các mạng LAN, WAN trên toàn thế giới.
- ❑ Tháng 12/1997, Việt Nam kết nối Internet.



Chương 3 CÔNG NGHỆ INTERNET

MÔ HÌNH KHÁCH HÀNG/NGƯỜI PHỤC VỤ

- ❑ **Mô hình khách hàng/người phục vụ:** Hệ thống Web được xây dựng theo mô hình khách hàng/người phục vụ (tiếng Anh gọi là Client/Server)

CLIENT (Khách hàng)

SERVER (Người phục vụ)

- ❑ Phải có tồn tại các điểm phục vụ Web, gọi là Web Server. Thì chúng ta mới có được những trang Web.

42

Chương 3 CÔNG NGHỆ INTERNET

MỘT SỐ TRÌNH DUYỆT WEB PHỔ BIẾN HIỆN NAY

Firefox, Google Chrome, Opera, Safari, Internet Explorer, Torch, Maxthon, SeaMonkey, Avant Browser, Deepnet Explorer, ...

Cốc cốc

43

Chương 3 CÔNG NGHỆ INTERNET

SỬ DỤNG TRÌNH DUYỆT WEB: INTERNET EXPLORER (IE)

- ❑ **Thanh công cụ chuẩn (Standard Buttons):** Chứa các nút công cụ cơ bản Cho phép thực hiện nhanh các lệnh thay vì phải thực hiện từ Menu.
- ❑ **Thanh địa chỉ (Address Bar):** Muốn truy cập trang Web nào thì gõ địa chỉ của trang đó vào thanh địa chỉ và nhấn Enter.



44

Chương 3 CÔNG NGHỆ INTERNET

❑ Một số chức năng trên thanh công cụ:

- **Nút Back** : Trở về trang trước trang hiện tại.
- **Nút Forward** : Tiến tới trang trước khi quay về.
- **Nút Stop** : Dừng tải nội dung trang hiện tại.
- **Nút Refresh** : Nút làm tươi nội dung, tải lại nội dung trang web đang xem.
- **Nút Home** : Quay trở về trang chủ

45

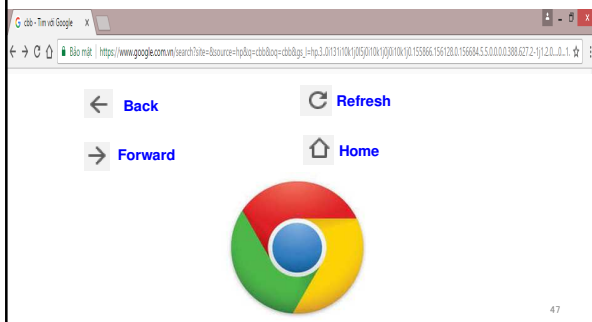
MỘT SỐ PHÍM TẮT CẦN BIẾT CỦA IE:

- **F11**: Chuyển đổi giữa chế độ toàn màn hình và chế độ cửa sổ trình duyệt.
- **Tab**: Di chuyển qua các mục trong một trang Web
- **Shift + Tab**: Di chuyển ngược lại thông qua các mục trên một trang Web (ngược với thao tác của phím Tab).
- **ALT + Home** : Quay trở về trang chủ.
- **BackSpace**: Trở về đầu trang Web.
- **Ctrl + Tab** hoặc **F6**: Di chuyển tiếp giữa các khung hình.
- **Shift +Ctrl+ Tab**: Di chuyển ngược lại giữa các khung hình.
- **Ctrl + F**: Chức năng tìm kiếm.
- **F5**: Làm mới lại trang Web hiện tại.
- **Esc**: Dừng quá trình download tại một trang Web.
- **Ctrl + E**: Mở chức năng tìm kiếm trên thanh Explorer.
- **Ctrl + I** : Mở thư mục Favorites trên thanh Explorer.
- **Ctrl + H**: Mở lịch sử trình duyệt Web.

46

Chương 3 CÔNG NGHỆ INTERNET

SỬ DỤNG TRÌNH DUYỆT WEB: GOOGLE CHROME



47

SỬ DỤNG TRÌNH DUYỆT WEB: GOOGLE CHROME

Chế độ truy cập ẩn danh Private Mode

Những thông tin trong quá trình lướt web của bạn sẽ không bị lưu lại trong lịch sử duyệt web và cookies cũng sẽ bị xóa ngay khi bạn tắt cửa sổ ẩn danh.

48

Tính bảo mật của trang web

- Bảo mật 
- Thông tin 
- Không bảo mật 
- Nguy hiểm 

49

MỘT SỐ PHÍM TẮT CẦN BIẾT CỦA GOOGLE CHROME

"Ctrl+Tab" để di chuyển giữa các tab với nhau

"Ctrl+Shift+T" để mở lại 1 tab vừa đóng trước đó (tối đa 10 tab)

"Ctrl+W" hoặc "Ctrl+F4" để đóng tab hoặc pop-up hiện đang mở

"Ctrl+Enter" để Chrome tự động thêm "www." và ".com" ở xung quanh tên miền mà bạn đã nhập

"Ctrl+dấu cộng" và "Ctrl+dấu trừ", hoặc vừa nhấn Ctrl vừa cuộn chuột để phóng to hoặc thu nhỏ trang web

"Ctrl+0" đưa trang web về kích cỡ bình thường sau khi phóng to, thu nhỏ

Ctrl đồng thời nhấn vào link bằng nút chuột trái để mở liên kết trong một tab mới

"Ctrl+J" để mở nhanh tab Download

50

TỔNG HỢP PHÍM TẮT DÙNG CHO CÁC TRÌNH DUYỆT WEB

51

Chương 3 CÔNG NGHỆ INTERNET

TÌM KIẾM THÔNG TIN TRÊN INTERNET

- Tìm kiếm qua các trang Web động gọi là máy tìm kiếm (Search Engine). Là một hệ thống cho phép tìm kiếm các thông tin trên Internet theo yêu cầu của người sử dụng.
 - Ví dụ như trang Web: www.google.com là một trang Web hỗ trợ tìm kiếm cực mạnh, và được sử dụng phổ biến trên Internet hiện nay.



CÔNG CỤ TÌM KIẾM THÔNG TIN TRÊN INTERNET

1. GOOGLE: <http://google.com.vn>
2. BING: <http://bing.com>
3. WOLFRAM ALPHA: <http://www.wolframalpha.com>
4. YAHOO: <http://www.yahoo.com>
5. BAIDU: <http://www.baidu.com>
6. YANDEX: <http://www.yandex.com>
7. Find: <http://www.Find.com>
8. TWURDY: <http://www.twurdy.com>
9. ASK: <http://www.ask.com>
10. AOL: <http://search.aol.com>

53

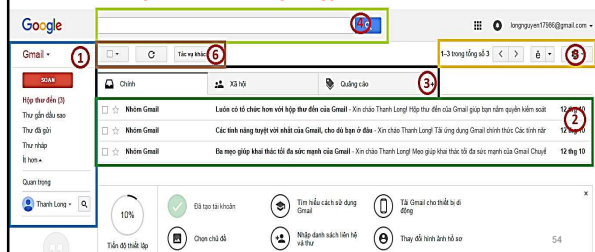
Chương 3 CÔNG NGHỆ INTERNET

DỊCH VỤ THƯ ĐIỆN TỬ GMAIL

Nhập vào thanh địa chỉ: gmail.com

Đăng nhập với tài khoản và mật khẩu đã có

Giao diện sau khi đăng nhập



DỊCH VỤ THƯ ĐIỆN TỬ'GMAIL

Phân 1: Trình thực đơn của Gmail (menu)

Phân 2: Đây là phần chứa những tiêu đề thư.

Phân 3: Phần phân loại thư theo tính chất xã hội

Phân 4: Tìm kiếm thư

Phân 5: Phân trang thư và cài đặt thư

Phân 6: Chọn nhanh thư và thực hiện tác vụ

DỊCH VỤ THƯ ĐIỆN TỬ'GMAIL

Soạn thư (COMPOSE)

TO: Tất cả địa chỉ đều nhận được thư

CC: Gửi email đến nhiều người và công khai danh tính của họ

BCC: gửi email đến nhiều người nhưng thông tin về những người đó sẽ được giữ kín

Tiêu đề (Subject): Tiêu đề thư cần gửi

Google drive Attack files/attackment

DỊCH VỤ THƯ ĐIỆN TỬ'GMAIL

Lưu ý là những địa chỉ bạn gửi đi lần đầu thì Gmail sẽ lưu lại, nếu những lần sau bạn có gửi thư cho những địa chỉ này thì Gmail sẽ hiển thị gợi ý khi bạn gõ địa chỉ người nhận

Trường hợp nếu bạn nhập 1 địa chỉ người nhận không tồn tại thì sau ít phút bạn sẽ nhận được 1 email báo kiểu kiểu thế này

Mail Delivery Subsystem <mailer-daemon@googlemail.com>
10:54 (9 phút trước) ☆

Tiếng Anh > Tiếng Việt > Dịch vụ: Tất cả với: Tiếng Anh x

Delivery to the following recipient failed permanently:
emilkhongtontai1122@gmail.com

Technical details of permanent failure:
Google tried to deliver your message, but it was rejected by the server for the recipient domain gmail.com by gmail-smtp:in.l.google.com [2007.1905.4202+07-10].

The error that the other server returned was:
550 5.1.1 The email account that you tried to reach does not exist. Please try
550 5.1.1 double-checking the recipient's email address for typos or
550 5.1.1 unnecessary spaces. Learn more at
550 5.1.1 <http://support.google.com/mail/answer/6596> 1200w6640992ywe.310 - gsmtp

— Original message —
DKIM-Signature: v=1; a=rsa-sha256; c=relaxedrelaxed;
d=gmail.com; s=20130113;
h=mime-version:date:message-id:subject:from:to:content-type;
bh=Hv5A2QIMX8P5vXN5C0uL5p50M8vHvH1R52L5p50;
b=Xv5A2QIMX8P5vXN5C0uL5p50M8vHvH1R52L5p50;
x=Hv5A2QIMX8P5vXN5C0uL5p50M8vHvH1R52L5p50;
A3gNkP=Hv5A2QIMX8P5vXN5C0uL5p50M8vHvH1R52L5p50;
LwH5C2E0uP=Hv5A2QIMX8P5vXN5C0uL5p50M8vHvH1R52L5p50;
z5UTU7aF=Hv5A2QIMX8P5vXN5C0uL5p50M8vHvH1R52L5p50;
gym=

DỊCH VỤ THƯ ĐIỆN TỬ'GMAIL

Các thao tác với một bức thư đã nhận

Spam **Move to** **Rycle Bin** **More** **Download all** **Reply** **Forward** **Reply to all**

PHẦN III

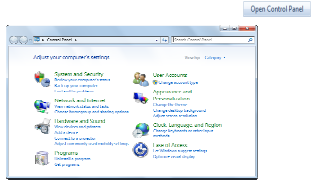
CONTROL PANEL

Mục tiêu bài học

- Khởi động Control Panel
- Thay đổi các chế độ xem (View)
- Thay đổi hiển thị của màn hình nền (Desktop)
- Thay đổi ngày giờ
- Thay thay đổi các chế độ xem hoặc nhập liệu với các ngôn ngữ khác
- Tìm kiếm các thiết lập cho các tùy chọn khả năng truy cập
- Cài đặt các tùy chọn khác nhau về nguồn điện₉₀

Sử dụng Control Panel

- Để truy cập Control Panel:
 - Nhấp chuột vào Start, Control Panel; hoặc
 - Trong Windows Explorer, Nhấp chuột vào Computer ở Ổ định vị (Navigation Pane), sau đó Nhấp chuột vào Control Panel trên thanh lệnh.



61

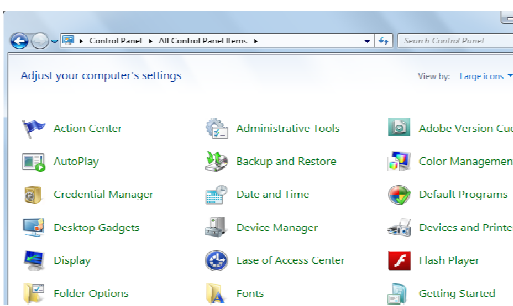
Sử dụng Control Panel

- | | |
|---------------------------------------|---|
| System and Security | Cung cấp các lựa chọn để duy trì tính toàn vẹn hệ thống và thực hiện sao lưu dữ liệu, kiểm tra các cập nhật chống vi rút và quét các phần tử virus. |
| Network and Internet | Cho phép bạn cài đặt hay điều chỉnh cách kết nối máy tính của bạn vào mạng hay vào Internet, và chia sẻ các tập tin với người khác. |
| Hardware and Sound | Cho phép bạn cài đặt hay điều chỉnh cách hoạt động của các phần cứng như các thiết bị âm thanh. |
| Programs | Cho phép tiếp cận các nhiệm vụ quản lý hệ thống ví dụ như cài đặt và gỡ bỏ các chương trình. |
| User Accounts | Cung cấp các lựa chọn để thiết lập máy tính cho phép nhiều người cùng sử dụng. |
| Appearance and Personalization | Cho phép bạn tùy chỉnh màn hình với chế độ bảo vệ màn hình, nền màn hình, ... |
| Clock, Language, and Region | Cho phép truy cập để bạn có thể thay đổi định dạng của ngày tháng, thời gian, tiền tệ hay các đơn vị theo chuẩn khu vực hay các ngôn ngữ. |
| Ease of Access | Cung cấp các lựa chọn để thay đổi các đặc điểm về khả năng truy cập, như bật chế độ nhận diện giọng nói hay thay đổi hình ảnh hiển thị. |

62

Sử dụng Control Panel

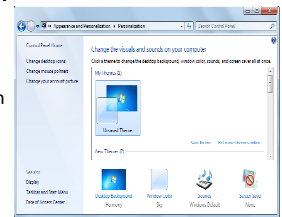
- Chuyển màn hình sang chế độ Large icons hay Small icons:



63

Tùy biến hiển thị màn hình nền

- Để thay đổi hiển thị:
 - Nhấp chuột vào Start, Control Panel, Appearance and Personalization, Personalization hoặc
 - Nhấp chuột phải vào khoảng trống trên màn hình, chọn Personalize, và sau đó Nhấp chuột vào lựa chọn hiển thị cần thay đổi, hoặc
 - Nếu ở một trong các cách quan sát biểu tượng, Nhấp chuột vào Personalization trong cửa sổ Control Panel



64

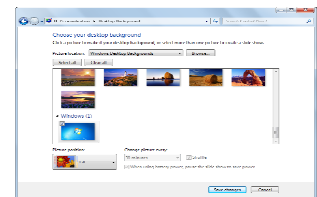
Tùy biến hiển thị màn hình nền

- | | |
|---------------------------------------|---|
| My Themes | Các chủ đề bạn đã tùy biến, đã lưu hoặc tải về. Khi bạn tạo các thay đổi cho một chủ đề, các cài đặt mới xuất hiện trong phần này như là một chủ đề chưa được lưu (unsaved theme). |
| Aero Themes | Các chủ đề bao gồm các hiệu ứng Aero glass và nhiều chủ đề bao gồm một bản trình chiếu màn hình nền. |
| Installed Themes | Các chủ đề được tạo bởi các nhà sản xuất máy tính hoặc các nhà cung cấp ngoài Microsoft. Không phải tất cả các hệ thống đều có các chủ đề được cài đặt này. |
| Basic and High Contrast Themes | Các chủ đề được thiết kế để cải thiện hiệu suất của máy tính hoặc làm cho các đối tượng dễ nhìn thấy hơn. Các chủ đề này không bao gồm các hiệu ứng Aero glass và do đó không hỗ trợ tất cả các tính năng của Aero. |

65

Tùy biến hiển thị màn hình nền

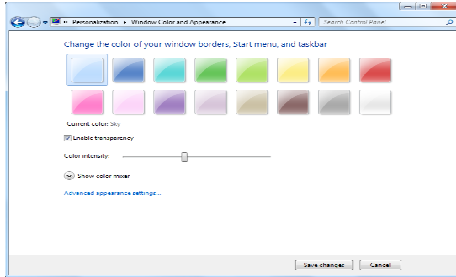
- Để tùy biến màn hình nền :
 - Sử dụng tùy chọn Desktop Background để áp dụng một chủ đề hoặc tùy biến các chủ đề hiển thị trong danh sách lựa chọn, hoặc



66

Tùy biến hiển thị màn hình nền

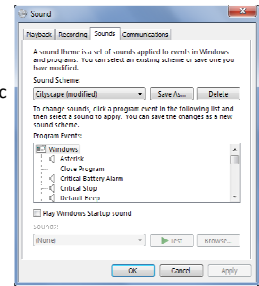
- Sử dụng tùy chọn Window Color để chọn một màu cụ thể cho đường viền cửa sổ, trình đơn Start hoặc thanh tác vụ.



67

Tùy biến hiển thị màn hình nền

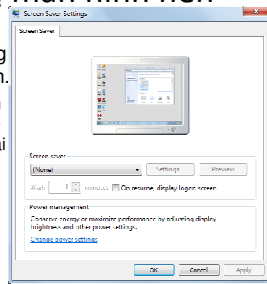
- Sử dụng tùy chọn Sounds để áp dụng một nguyên tắc phối hợp âm thanh cụ thể cho chủ đề. Nguyên tắc phối hợp âm thanh xác định các âm thanh nào phát khi các sự kiện cụ thể của Windows xảy ra



68

Tùy biến hiển thị màn hình nền

- Sử dụng tùy chọn Screen Saver để chọn hoặc áp dụng một chế độ bảo vệ màn hình.
 - Nếu chế độ bảo vệ màn hình bao gồm các tùy chọn có thể cấu hình, bạn cũng có thể cài đặt chúng.



69

Thay đổi ngày giờ (Date and Time)

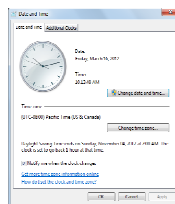
- Thời gian hiện thời hiển thị ở vùng thông báo
- Hệ điều hành sử dụng ngày tháng và thời gian để xác định thời gian tập tin được tạo hay chỉnh sửa
 - Nếu máy tính được nối mạng, thời gian có thể được xác định bởi máy chủ và chỉ quản trị mạng có thể thay đổi
 - Nếu bạn kết nối vào internet, nó cũng sẽ đồng bộ hóa đồng hồ của nó với thời gian ở máy chủ trên internet
- Để xem ngày tháng và giờ hiện thời, nhấp chuột vào thời gian trong vùng thông báo



70

Thay đổi ngày giờ (Date and Time)

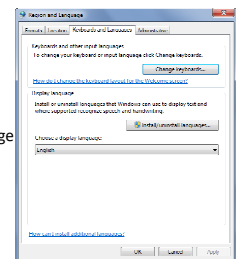
- Để thay đổi ngày giờ:
 - Nhấp chuột vào Start, Control Panel, Clock, Language, and Region, và sau đó Nhấp chuột vào Date and Time hay Set the time and date, hoặc
 - Nhấp chuột vào Start, Control Panel, Clock, Language, and Region, và sau đó Nhấp chuột vào Date and Time hay Set the time and date, hoặc
 - Nhấp chuột vào thời gian trong vùng thông báo và sau đó Nhấp chuột vào Change date and time settings



71

Thay đổi ngôn ngữ (Language)

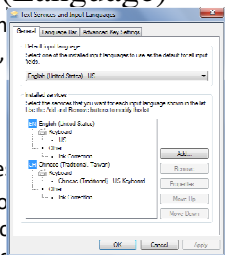
- Ngôn ngữ đã được cài sẵn dựa trên vùng lãnh thổ nơi máy tính được mua
- Có thể cài đặt hoặc gỡ bỏ các ngôn ngữ khác và thay đổi hiển thị hoặc tùy chọn nhập đầu vào (input)
 - Chọn Start, Control Panel và chọn Clock, Language, and Region. Sau đó chọn Change keyboards or other input methods



72

Thay đổi ngôn ngữ (Language)

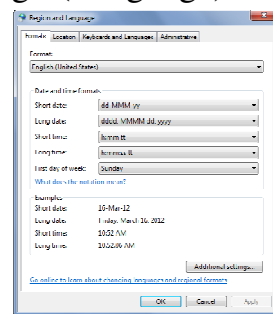
- Để thay đổi hiển thị các thành phần trên màn hình sang ngôn ngữ khác, chọn mũi tên của Choose a display language và nhấp chọn ngôn ngữ thích hợp
- Chọn nút Install/uninstall language
 - Chỉ hiển thị chỉ nếu một gói giao diện ngôn ngữ (LIP) hoặc gói giao diện đa ngôn ngữ (MUI) đã được cài đặt
- Nhập vào các ký tự của ngôn ngữ khác, chọn Change keyboards.



73

Thay đổi ngôn ngữ (Language)

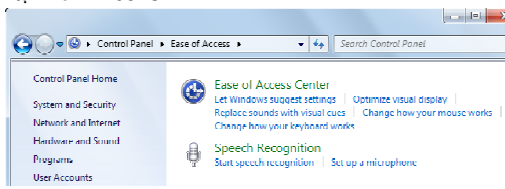
- Bạn có thể thay đổi định dạng cho ngày tháng theo yêu cầu bằng cách nhấp chọn thẻ Format



74

Các cài đặt khả năng truy cập

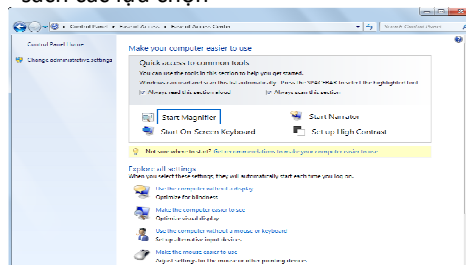
- Hỗ trợ các thiết bị trợ giúp cho người khuyết tật
- Hỗ trợ các thiết bị trợ giúp
 - Có thể tùy biến các cài đặt khả năng truy cập và các thiết bị
- Các hệ điều hành khác cũng có những tính năng hỗ trợ truy cập dành cho người khuyết tật tương tự như Windows



75

Các cài đặt khả năng truy cập

- Có thể chọn một trong các lựa chọn hoặc nhấp chọn Ease of Access Center để thấy danh sách các lựa chọn



76

Các cài đặt khả năng truy cập

- Magnifier** Các phần chia mở rộng của màn hình làm cho dễ xem văn bản và hình ảnh hơn và thấy toàn màn hình dễ dàng hơn
- Narrator** Một trình đọc màn hình cơ bản để đọc to văn bản trên màn hình và mô tả một số sự kiện để bạn biết cái gì đang xảy ra khi bạn sử dụng máy tính.
- On-Screen Keyboard** Hiển thị một bàn phím ảo trên màn hình để bạn có thể sử dụng với một thiết bị chuột hoặc một thiết bị trợ khác.
- High Contrast display settings** Tăng độ tương phản của các màu sắc để giảm sự mỏi mắt và làm cho các đối tượng dễ đọc hơn.

77

Tìm hiểu Power Options

- Tắt máy
 - Máy tính tính đúng cách là rất quan trọng
 - Tiết kiệm năng lượng và đảm bảo cho dữ liệu của bạn đã được lưu
 - Để tắt, nhấp vào Start, chọn Shut down
 - Máy tính sẽ đóng tất cả các tập tin, ứng dụng đang mở và tắt hệ điều hành, sau đó hoàn tất việc tắt máy tính và màn hình hiển thị
 - Khởi động lại máy tính của bạn sau khi tắt máy mất nhiều thời gian hơn việc đánh thức máy tính đang tạm nghỉ hoặc ngủ đông

78

Tìm hiểu Power Options

- Tạm nghỉ
 - Khi bạn đặt máy tính ở chế độ tạm nghỉ, Windows đặt công việc của bạn vào trong bộ nhớ và chỉ tiêu tốn một lượng nhỏ về nguồn điện
 - Không cần phải đóng các chương trình và các tập tin nhưng nên lưu công việc bạn đang thực hiện
 - Sau vài giờ hoặc nếu pin đang ở mức thấp, công việc được tự động lưu vào ổ đĩa cứng và máy tính tắt
 - Khi bạn đánh thức máy tính, màn hình sẽ quay trở lại một cách chính xác những gì bạn đang thực hiện trước khi bạn đặt máy tính về chế độ tạm nghỉ
 - Để đánh thức máy tính khi tạm nghỉ, di chuột hoặc nhấn một phím bất kỳ trên bàn phím

79

Tìm hiểu Power Options

- Ngủ đông
 - Là trạng thái tiết kiệm điện được thiết kế chủ yếu cho các máy tính xách tay
 - Máy tính đưa tất cả tài liệu và chương trình đang mở vào ổ đĩa cứng và sau đó tắt máy tính
 - ngủ đông là chế độ nghỉ ít tốn điện nhất
 - khi bạn biết bạn sẽ không sử dụng nó trong một khoảng thời gian kéo dài và sẽ không có cơ hội sạc pin trong suốt khoảng thời gian này
 - Cũng rất hữu ích khi bạn cần đóng nắp máy tính xách tay và di chuyển sang một vị trí khác
 - Để đánh thức máy tính xách tay khi đang ngủ đông, ấn vào nút nguồn

80

Tìm hiểu Power Options

- Làm việc với Power Settings
 - Cho phép bạn tùy biến có bao nhiêu nguồn điện được dùng cho các công việc cụ thể
 - Có thể cấu hình và áp dụng kế hoạch cấp nguồn để tự động tắt màn hình và đặt máy tính vào chế độ tạm nghỉ sau một khoảng thời gian cụ thể



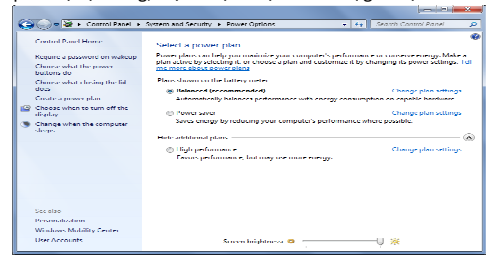
Power Options
Change battery settings | Require a password when the computer wakes
Change what the power buttons do | Change when the computer sleeps

- Để thay đổi trạng thái nguồn cho một thiết bị xách tay, chọn Start, Control Panel, Hardware and Sound.

81

Tìm hiểu Power Options

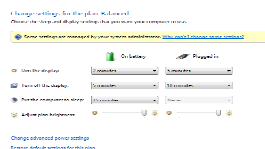
- Để xem tất cả các cấu hình lựa chọn, chọn Power Options
- Nếu bạn đã kết nối vào một mạng không có đầy đủ quyền quản trị hệ thống, một số lựa chọn có thể bị giới hạn



82

Tìm hiểu Power Options

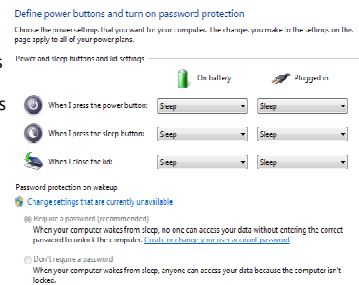
- Windows có nhiều kế hoạch cấp nguồn được xây dựng sẵn. bạn có thể áp dụng chúng, hiệu chỉnh các cài đặt của chúng hoặc tạo kế hoạch cấp nguồn tùy biến dựa trên các kế hoạch cấp nguồn được xây dựng sẵn
- Để xem hoặc thay đổi kế hoạch nguồn điện, nhấp vào Change plan settings



83

Tìm hiểu Power Options

- Trong cửa sổ Power Options, chọn Change what the power buttons do or what closing the lid does
- Thiết lập những gì sẽ xảy ra với nguồn điện cho các chế độ khác nhau



84

Tìm hiểu User Accounts và các quyền

- Có ba loại tài khoản người dùng khác nhau trong Windows 7:
 - Tiêu chuẩn (Standard)
 - Quản trị viên (Administrator)
 - Khách (Guest)
- Mỗi loại tài khoản có một mức độ quyền cụ thể
 - Xác định bạn có được phép truy xuất một đối tượng nào đó hay không và bạn có thể làm gì với nó
 - Mọi người có quyền đọc/ghi để tạo, hiệu chỉnh, xem hoặc in (print) các tập tin mà tài khoản của họ sở hữu
 - Chỉ một số người có tài khoản Administrator có thể xem các tập tin được tạo bởi tất cả người dùng trên hệ thống

85

Tìm hiểu User Accounts và các quyền

Administrator account

Cho phép bạn tạo các thay đổi trên hệ thống sẽ tác động đến các người dùng khác

Standard user account

Có thể sử dụng chương trình cài đặt và thay đổi cài đặt cho tài khoản người dùng, không thể cài đặt hoặc gỡ bỏ một số phần mềm và phần cứng, không thể thay đổi các thiết lập tác động đến người dùng khác hoặc bảo mật trên máy tính.

86

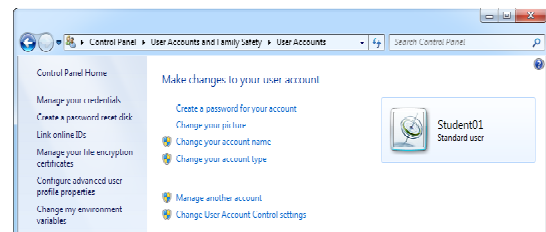
Tìm hiểu User Accounts và các quyền

- Một tài khoản Administrator được tạo tự động khi Windows 7 được cài đặt trên một máy tính
 - Nếu bạn một máy tính ở trường học hoặc văn phòng của bạn, người quản trị hệ thống thường sẽ tạo sẵn một tài khoản Standard user cho bạn
 - Nếu bạn là người duy nhất sử dụng máy tính, nên tạo và sử dụng một tài khoản Standard user để thực hiện các công việc hàng ngày
- Khi bạn sử dụng một tài khoản Standard user, bạn sẽ được nhắc để nhập vào mật khẩu của tài khoản Administrator trước khi bạn có thể thực hiện các tác vụ nào đó
 - Nhắc bạn nhập mật khẩu là cách của Windows mang đến cho sự quan tâm của bạn về việc có thể tạo ra một thay đổi đáng kể trên hệ thống.

87

Tìm hiểu User Accounts và các quyền

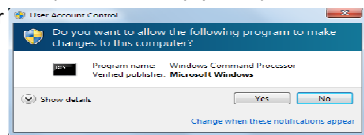
- Để xem loại tài khoản bạn đang sử dụng, chọn Start, Control Panel, User Accounts and Family Safety, sau đó chọn liên kết User Accounts



88

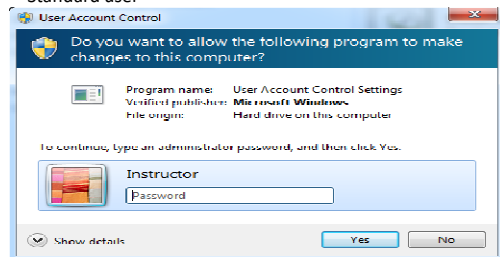
Tìm hiểu User Accounts và các quyền

- Điều khiển tài khoản người dùng (UAC: User Account Control)
 - Điều chỉnh các mức độ cho phép để bạn có thể có quyền phù hợp đối với các tác vụ bạn đang thực hiện
 - Các vấn đề về điều khiển tài khoản người dùng xuất hiện khi một người dùng hoặc một chương trình sắp sửa tạo một sự thay đổi cần đòi quyền cấp Administrator



Tìm hiểu User Accounts và các quyền

- Cấp độ quyền của bạn tạm thời được nâng lên cho phép bạn hoàn thành tác vụ, sau đó cấp độ quyền của bạn trở lại với Standard user



90

Tìm hiểu User Accounts và các quyền

- Tạo một tài khoản người dùng mới
 - Cần quyền quản trị viên để tạo
 - Đăng nhập bằng tài khoản quản trị viên
 - Chọn Start, Control Panel và sau đó chọn User Accounts and Family Safety. Sau đó, phía dưới liên kết User Accounts, chọn Add or remove user accounts



91

Tìm hiểu User Accounts và các quyền

- Chọn Create a new account

Name the account and choose an account type

This name will appear on the Welcome screen and on the Start menu.

New account name

- Standard user
Standard account users can use most software and change system settings that do not affect other users or the security of the computer.

- Administrator
Administrators have complete access to the computer and can make any desired changes. Based on notification settings, administrators may be asked to provide their password or confirmation before making changes that affect other users.

We recommend that you protect every account with a strong password.

Why is a standard account recommended?

Create Account Cancel

- Nhập tên của người dùng mới vào trường trống "New account name"

92

Tìm hiểu User Accounts và các quyền

- Chọn cấp độ truy cập bạn muốn cấp cho người dùng mới và sau đó chọn Create Account

Choose the account you would like to change



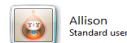
- Nhấp vào tài khoản mới để truy cập nó

93

Tìm hiểu User Accounts và các quyền

- Để chỉnh sửa tài khoản, nhấp vào tài khoản để truy cập
 - Thêm hoặc thay đổi mật khẩu, nhấp Create a password

Create a password for Allison's account



You are creating a password for Allison.

If you do this, Allison will lose all EFS-encrypted files, personal certificates and stored passwords for Web sites or network resources.

To avoid losing data in the future, ask Allison to make a password reset floppy disk.

New password

Confirm new password

If the password contains capital letters, they must be typed the same way every time.

How to create a strong password

Type a password hint

The password hint will be visible to everyone who uses this computer.

What is a password hint?

Create password Cancel

94

Tìm hiểu User Accounts và các quyền

- Để xóa tài khoản người dùng, chọn tài khoản và nhấn Delete the account
- Do you want to keep Allison's files?
- Before you delete Allison's account, Windows can automatically save the contents of Allison's desktop and Documents, Favorites, Music, Pictures and Videos folders to a new folder called 'Allison' on your desktop. However, Windows cannot save Allison's e-mail messages and other settings.
- Delete Files Keep Files Cancel
- Khi xóa tài khoản tất cả các tập tin dữ liệu liên quan đến tài khoản này có thể bị xóa ở cùng thời điểm
 - Nên tạo một bản sao lưu của các tập tin này trong trường hợp bạn có thể cần đến chúng sau này trước khi tiến hành xóa
 - Nhấp vào Delete Files
 - Nếu bạn chắc chắn muốn xóa tài khoản, chọn Delete Account để tiến hành
- Are you sure you want to delete Allison's account?
- Windows will delete all of Allison's files, and then delete Allison's account.

Delete Account Cancel

95

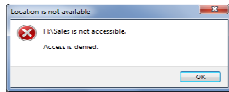
Tìm hiểu User Accounts và các quyền

- Các quyền (rights) và sự truy cập
 - Mỗi loại tài khoản đều có quyền được phân cấp cụ thể phù hợp với chúng
 - Mỗi tài khoản người dùng lại có thể có các quyền riêng rẽ khác cho riêng chúng
 - Quyền xác định những gì bạn có thể truy cập và làm
 - Đọc (Read): Bạn có thể xem tên của các tập tin và thư mục trên mạng, xem nội dung của các tập tin và thực thi các chương trình ứng dụng.
 - Ghi (Write): Bạn có thể xem tên và nội dung của các tập tin và thư mục trên mạng, có thể tạo các tập tin và thư mục mới, hiệu chỉnh nội dung của các tập tin, xóa các tập tin và thư mục.

96

Tìm hiểu User Accounts và các quyền

- Hệ thống độc lập (Standalone system): tự động có cả quyền đọc và ghi đến tất cả các thư mục liên quan đến tài khoản người dùng của bạn
 - Để truy cập vào các thư mục liên quan với các tài khoản người dùng khác trên máy tính, bạn phải cung cấp một mật khẩu của Administrator.
- Nếu bạn làm việc trên một mạng người quản trị hệ thống mạng có thể quản lý được việc người dùng nào có thể truy cập các tài nguyên mạng
 - Xem nội dung của một số thư mục mạng, nhưng không thể tạo hoặc lưu các tập tin vào các thư mục đó.



97

Tìm hiểu User Accounts và các quyền

- Hầu hết các quản trị hệ thống và quản trị mạng
 - Định nghĩa nên các nhóm người dùng cụ thể trong một mạng, các quyền cụ thể liên quan đến mỗi nhóm đã định nghĩa và sau đó thêm các người dùng riêng lẻ vào các nhóm người dùng
 - Người sử dụng có thể thuộc về nhiều nhóm
 - Các thiết bị điện toán bất kì được sở hữu bởi một trường học hoặc một tổ chức thuộc phạm vi trách nhiệm của các quản trị hệ thống và quản trị mạng
 - Cấu hình các máy tính để người dùng có thể thực hiện các tác vụ tương ứng với công việc của họ
 - Thiết lập các tác vụ đã lên lịch trên một máy tính của công ty để đảm bảo hệ thống được bảo mật và cập nhật

98

Tìm hiểu User Accounts và các quyền

- Chính sách theo nhóm (Group Policy)
 - Các mạng lớn như mạng trường học hoặc mạng doanh nghiệp sử dụng hệ thống quản lý và tổ chức mạng gọi là Active Directory
 - Quản trị viên có thể dùng để điều khiển môi trường làm việc của các tài khoản người dùng và các tài khoản máy tính
 - Sử dụng Group policy để quản lý và cấu hình hệ điều hành, các phần mềm ứng dụng và các thiết lập của người dùng.
 - Đặc biệt hữu ích để điều khiển và quản lý các thiết bị điện toán xách tay
 - Khi người dùng kết nối vào mạng công ty, Group policy được người quản trị tạo cho các máy tính di động được áp dụng một cách tự động

99

Tóm tắt bài học

- Khởi động Control Panel
- Thay đổi các chế độ xem (View)
- Thay đổi sự hiển thị của màn hình nền (Desktop)
- Thay đổi ngày giờ
- Thay đổi các chế độ xem hoặc nhập liệu với các ngôn ngữ khác
- Tìm kiếm các thiết lập cho các tùy chọn khả năng truy cập
- Cài đặt các tùy chọn khác nhau về nguồn điện
- Xác định các loại tài khoản khác nhau và sự giới hạn

100

Câu hỏi ôn tập

1. Làm thế nào bạn có thể mở Control Panel?
 - a. Từ thực đơn Start
 - b. Từ công cụ quản lý tập tin
 - c. Bằng cách nhấn Windows + C.
 - d. Tất cả các lựa chọn trên
 - e. Chỉ a hoặc b
2. Nếu bạn không thể sử dụng một số lệnh nhất định trong Control Panel, nguyên nhân khả dĩ nhất là gì?
 - a. Bạn không có quyền sử dụng các lệnh này.
 - b. Bạn đã chọn sai lệnh.
 - c. Phiên bản Windows của bạn không bao gồm tính năng Control Panel.
 - d. Tất cả các lựa chọn trên

101

Câu hỏi ôn tập

3. Điều gì quyết định các thiết lập ngày giờ trên một máy tính không được kết nối mạng?
 - a. Cài đặt trong bộ nhớ RAM .
 - b. Một đồng hồ hoạt động bằng pin bên trong máy tính .
 - c. Máy chủ mạng.
 - d. Một máy chủ thời gian trên Internet .
4. Lý do tại sao bạn muốn thay đổi định dạng ngày trên máy tính của bạn?
 - a. Tuân thủ các tiêu chuẩn công ty
 - b. Tuân thủ các tiêu chuẩn quốc gia
 - c. Cho phù hợp với sở thích cá nhân của bạn
 - d. Tất cả các ý trên

102

Câu hỏi ôn tập

- Tùy chọn nào sau đây có thể được truy cập thông qua Ease of Access Center?
 - Magnifier
 - User Account Control
 - Date and Time settings
 - Power options
- Khi nào bạn có thể thiết lập nguồn để ở chế độ Standby?
 - Khi bạn cần phải mang máy tính xách tay đến vị trí khác .
 - Khi bạn đang chờ đợi để kết nối với mạng .
 - Khi bạn đi tham dự một cuộc họp mà sau đó bạn muốn tiếp tục làm việc với những gì bạn đang làm trước đó .
 - Khi bạn muốn bảo tồn năng lượng và hệ thống máy tính của bạn không được cắm vào nguồn

103

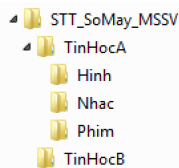
Câu hỏi ôn tập

- Group policy (chính sách nhóm) đề cập đến điều gì?
 - ID đăng nhập và mật khẩu bạn cần phải kết nối vào mạng .
 - Nhóm bạn đã được gán bởi người quản trị mạng.
 - Thiết lập các quy tắc chỉ cho văn phòng hoặc bộ phận của bạn .
 - Một tính năng mà người quản trị mạng có thể sử dụng để kiểm soát môi trường làm việc của người dùng và các tài khoản máy tính.
- Loại tài khoản nào cho phép bạn tạo thêm các tài khoản người dùng?
 - Administrator
 - Guest
 - Standard User
 - Chỉ a và c

104

Bài tập Windows 1

- Tạo cây thư mục trong ổ đĩa E:\ như sau:

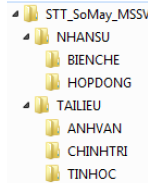


- Tìm 5 file *.jpg có dung lượng <100KB và chép vào thư mục Hinh. Sau đó đổi tên 5 file *.jpg trong thư mục Hinh thành hinh1.jpg, hinh2.jpg, hinh3.jpg, hinh4.jpg, hinh5.jpg
- Trong Notepad, tạo tập tin với tên traloi.txt và lưu trong thư mục TinHocA. Có nội dung là trả lời cho câu hỏi: Hãy kể ra 3 trình duyệt web mà em biết?

105

Bài tập Windows 2

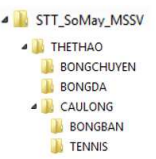
- Tạo cây thư mục trong ổ đĩa E:\ như sau:



- Tìm 5 file *.txt có dung lượng <10KB và chép vào thư mục TINHOC. Sau đó đổi tên 5 file *.txt trong thư mục TINHOC thành dulieu1.txt, dulieu2.txt, dulieu3.txt, dulieu4.jpg, dulieu5.txt
- Trong Notepad, tạo tập tin với tên traloi.txt và lưu trong thư mục TINHOC. Có nội dung là trả lời cho câu hỏi: Microsoft Word 2010 là phần cứng hay phần mềm?

106

Bài tập Windows 3

- Em hãy tạo cây thư mục lưu bài trong ổ đĩa E:\
- 
- Tìm 3 file *.INI và chép vào thư mục BONGDA.
 - Đổi tên các file hình trong thư mục BONGDA thành "File 1.INI", "File 2.INI", "File 3.INI"
 - Tạo tập tin "Chào ngày mới.txt" trong thư mục TENNIS mới tạo và nhập 4 câu thơ sau:
"Chào ngày mới khắp trời nào nức
Đưa nụ cười lại thức trên môi
Ngày mới chúc hết bạn tôi
Một ngày hạnh phúc sánh đôi an lành"
 - Tìm 2 tập tin có phần mở rộng là .JPG chép vào thư mục TENNIS
 - Nên 2 tập tin có trong thư mục TENNIS

107

Bài tập Windows 4

- Em hãy tạo cây thư mục lưu bài trong ổ đĩa E:\
- 
- Tìm 3 file *.jpg và chép vào thư mục PHOTOSHOP.
 - Đổi tên các file hình trong thư mục PHOTOSHOP thành "Picture 1.jpg", "Picture 2.jpg", "Picture 3.jpg"
 - Tạo tập tin "TAP THE DUC.txt" trong thư mục CORELDRAW mới tạo và nhập các câu thơ sau:
"Cứ mỗi buổi sáng mai
Bé dậy tập thể dục
Chú cún con lục đục
Lao xuống bếp gọi mèo
Chúng ta khẩn trương nào
Ra sân cùng chị tập"
 - Tìm 2 tập tin có dung lượng nhỏ hơn 50KB chép vào thư mục CORELDRAW
 - Nên 2 tập tin có trong thư mục CORELDRAW

108